

Số: 709 /BVCTCH-TTB

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 4 năm 2024

V/v yêu cầu báo giá vật tư y tế mua sắm trực tiếp

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam
(gọi tắt là Nhà thầu)

Bệnh viện Chấn thương Chính hình có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức mua sắm cho gói thầu Mua sắm trực tiếp vật tư y tế tháng 4/2024 thuộc dự toán mua sắm của Bệnh viện với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá:

Bệnh viện Chấn thương Chính hình

Địa chỉ: 929 Trần Hưng Đạo, Phường 1, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

Họ và tên: Trần Kim Sang

Chức vụ: Phó trưởng phòng Vật tư - Trang thiết bị y tế

Điện thoại: 028-38 366 991; 098 9110721

Email: trankimsang73@yahoo.com

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Phòng Vật tư – trang thiết bị y tế, 929 Trần Hưng Đạo, Phường 1, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

Nhà thầu gửi bản giấy: “Báo giá”, “Bảng mô tả tính năng, cấu hình kỹ thuật” và bản photo “hợp đồng” (là hợp đồng của nhà thầu đã trúng thầu trong đấu thầu rộng rãi còn hiệu lực trong vòng 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng đến tháng 6/2024). Đồng thời, Nhà thầu phải gửi qua E-mail: trankimsang73@yahoo.com; ttbinh.bvctch@gmail.com các file scan của các bản giấy đã nộp, catalogue, tài liệu kỹ thuật ...

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 08 giờ ngày 05 tháng 4 năm 2024 đến trước 16 giờ ngày 15 tháng 4 năm 2024.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày 15 tháng 4 năm 2024.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục hàng hóa đính kèm.

2. Địa điểm cung cấp; yêu cầu về vận chuyển, bảo quản hàng hóa:

2.1. Địa điểm cung cấp:

Bệnh viện Chấn thương Chỉnh hình

Địa chỉ: 929 Trần Hưng Đạo, Phường 1, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

2.2. Yêu cầu về vận chuyển, bảo quản hàng hóa:

- Hàng hóa còn nguyên vẹn, không bị hư hao trong quá trình vận chuyển.
- Có hướng dẫn bảo quản hàng hóa.

3. Thời gian giao hàng dự kiến: Giao hàng theo từng đợt đặt hàng của Chủ đầu tư. Thời gian giao hàng trong vòng 24 giờ kể từ khi nhận được thông tin đặt hàng.

4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng: Thanh toán theo từng đợt đặt hàng trong vòng 90 ngày kể từ ngày chủ đầu tư nhận được hóa đơn tài chính.

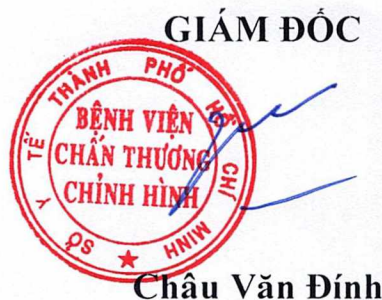
5. Các thông tin khác:

- Nhà thầu thực hiện báo giá theo đúng Mẫu báo giá đính kèm.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Website BV Chấn thương Chỉnh hình;
- Lưu: VT, TTB (03b).



DANH MỤC HÀNG HÓA

(Kèm theo Công văn số 309 /BVCTCH-TTB ngày 05 tháng 4 năm 2024)

Stt	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng mời thầu	Tính năng, cấu hình kỹ thuật
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Vòng nối mạch máu vi phẫu	Bộ	24	Vật liệu Polyethylene có độ co giãn cao; Kích cỡ của vòng gồm các Size : 1.0mm, 1.5mm, 2.0mm, 2.5mm, 3.0mm, 3.5mm và 4.0mm; Chân ghim làm bằng thép không gỉ chuyên dụng trong phẫu thuật
2	Đinh dẻo, titan	Cái	150	Thân đinh Φ 1.5, 2.0, 2.5, 3.0, 3.5, 4.0mm dài 300 - 440mm
3	Đinh nội tủy dùng cho nhi	Cái	150	Chất liệu titanium. Đường kính 2.0/2.5/3.0/3.5/4.0mm, dài 440mm \pm 5mm
4	Thanh nâng ngực	Cái	10	
5	Đinh Kirschner 1.0 có ren	Cái	240	Đường kính đinh 1.0mm, độ dài ren 5mm, chiều dài đinh 160mm. Chất liệu thép không gỉ
6	Đinh Kirschner 1.25 có ren	Cái	510	Đường kính đinh 1.25mm, độ dài ren 5mm, chiều dài đinh 160mm. Chất liệu thép không gỉ
7	Đinh Kirschner 1.5	Cái	150	Chất liệu thép không gỉ Đinh không ren, một đầu nhọn, đường kính 1.5mm dài 150-300mm.
8	Đinh Kirschner 1.6	Cái	240	Chất liệu thép không gỉ Đinh không ren, một đầu nhọn, đường kính 1.6mm dài 150-300mm.
9	Đinh Kirschner 1.8	Cái	1.200	Chất liệu thép không gỉ Đinh không ren, một đầu nhọn, đường kính 1.8mm dài 150-300mm.
10	Đinh Kirschner 2.0	Cái	600	Chất liệu thép không gỉ Đinh không ren, một đầu nhọn, đường kính 2.0mm dài 150-300mm.
11	Đinh Kirschner 2.2	Cái	600	Chất liệu thép không gỉ Đinh không ren, một đầu nhọn, đường kính 2.2mm dài 150-300mm.
12	Đinh Kirschner 2.4	Cái	1.350	Chất liệu thép không gỉ Đinh không ren, một đầu nhọn, đường kính 2.4mm dài 150-300mm.
13	Đinh Kirschner 2.5	Cái	150	Chất liệu thép không gỉ Đinh không ren, một đầu nhọn, đường kính 2.5mm dài 150-300mm.
14	Đinh Kirschner 3.0	Cái	90	Chất liệu thép không gỉ Đinh không ren, một đầu nhọn, đường kính 3.0mm dài 150-300mm.
15	Kẹp da	Cái	750	
16	Đinh Kuntcher dài	Cái	21	Số 9, 10, 11, dài từ 40cm trở lên
17	Đinh chốt xương đùi	Bộ	200	- Chất liệu: titanium - Kích cỡ: đường kính 9/10/11mm. Chiều dài 340-420mm, mỗi bước tăng 20mm. - Đặc tính: thân đinh rỗng (gồm 1 đinh, 1 nắp đinh và 4 vít). Các loại vít như sau: + Vít khoá Gamma đường kính 6.4mm với chiều dài 70-115mm, gia tăng số 5mm; + Vít chốt khoá đường kính 4.7mm với chiều dài: 26-60 mm, gia số tăng 2mm, 64-84mm gia tăng số 4mm.
18	Đinh chốt xương chày	Bộ	270	- Chất liệu: titanium - Kích cỡ: đường kính 8/9/10mm. Chiều dài 255-375mm, mỗi bước tăng 15mm. - Đặc tính: thân đinh đặc (gồm 1 đinh, 1 nắp đinh và 9 vít). Các loại vít như sau: + Vít chốt khoá đường kính 4.8mm với chiều dài: 30-80mm, gia số tăng 5mm. + Vít chốt khoá đường kính 4.3mm với chiều dài: 25-80mm, gia số tăng 5mm
19	Đinh nội tủy đầu trên xương đùi PFNA	Bộ	278	đường kính 9/10/11mm, dài 180-280mm
20	Đinh Steinman, thép không gỉ	Cái	100	Đường kính đinh 4.0mm, 4.5mm, 5.0mm, chiều dài đinh 180mm; 200mm. Chất liệu thép không gỉ
21	Khớp gối các loại, các cỡ	Bộ	200	Khớp gối toàn phần có xi măng loại cố định/ di động, giữ lại dây chằng chéo sau/ hy sinh dây chằng chéo sau. Cấu trúc gồm: Thành phần xương đùi, thành phần xương chày, thành phần bánh ché và lớp đệm polyethylene. Ứng dụng: thay toàn phần khớp gối.
22	Khớp háng bán phần có xi măng	Bộ	9	Gồm: Chuôi xương đùi, chòm xương đùi, ổ cối (kèm lớp lót mặt trong ổ cối) và xi măng xương
23	Khớp háng bán phần không xi măng	Bộ	305	Gồm: Cuống xương đùi, đầu xương đùi, ổ cối lưỡng cực. Góc cổ chuôi 125/ 127/ 128/ 130/ 131/ 132/ 134/ 135 độ
24	Khớp háng bán phần không xi măng chuôi dài	Bộ	9	Gồm: Cuống xương đùi, đầu xương đùi, ổ cối lưỡng cực. Góc cổ chuôi 125/ 127/ 128/ 130/ 131/ 132/ 134/ 135 độ

Stt	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng mời thầu	Tính năng, cấu hình kỹ thuật
25	Khớp háng toàn phần có xi măng	Bộ	6	Gồm: Chuôi xương đùi, chòm xương đùi, ổ cối (kèm lớp lót mặt trong ổ cối) và xi măng xương
26	Khớp háng toàn phần không xi măng MOP	Bộ	340	Gồm: Chuôi xương đùi, chòm xương đùi, ổ cối (kèm lớp lót mặt trong ổ cối) và vít cố định ổ cối (nếu có). Chòm xương đùi bằng kim loại (metal) và lớp lót bằng Polyethylene
27	Khớp háng toàn phần không xi măng COP	Bộ	105	Gồm: Chuôi xương đùi, chòm xương đùi, ổ cối (kèm lớp lót mặt trong ổ cối) và vít cố định ổ cối (nếu có). Chòm xương đùi bằng gốm (Ceramic) và lớp lót bằng Polyethylene
28	Khớp háng toàn phần không xi măng COC	Bộ	55	
29	Khớp háng toàn phần không xi măng chuyển động đôi	Bộ	100	Gồm: Chuôi xương đùi, chòm xương đùi, ổ cối di động kép và vít cố định ổ cối (nếu có)
30	Khớp háng toàn phần không xi măng chuỗi dài	Bộ	6	Gồm: Chuôi xương đùi, chòm xương đùi, ổ cối (kèm lớp lót mặt trong ổ cối) và vít cố định ổ cối (nếu có). Chòm xương đùi bằng kim loại (metal) và lớp lót bằng Polyethylene
31	Bắt động ngoài chi dưới	Bộ	212	3 ty có ren đường kính 6mm chiều dài 300mm, 4 vòng 2/3, 10 ốc lỗ, 2 ốc AO, 2 đinh AO và 6 đinh oliu
32	Nẹp khóa xương chày	Cái	108	Nẹp có 4-14 lỗ
32.1	Vít khóa 3.5/ 4.0/ 5.0	Cái	756	Vít khóa dùng chung nẹp
32.2	Vít vò 3.5/ 4.0/ 5.0	Cái	216	Vít vò dùng chung nẹp
33	Nẹp khóa đầu trên xương chày mặt trong	Cái	160	Đầu nẹp có 3-5 lỗ, thân có 4-11 lỗ
33.1	Vít khóa 3.5/ 4.0/ 4.5/ 5.0		1.600	
33.2	Vít vò 3.5/ 4.0/ 4.5/ 5.0		160	
34	Nẹp khóa đầu trên xương chày mặt ngoài	Cái	200	Đầu nẹp có 3-5 lỗ, thân có 4-11 lỗ
34.1	Vít khóa 3.5/ 4.0/ 4.5/ 5.0		2.000	
34.2	Vít vò 3.5/ 4.0/ 4.5/ 5.0		200	
35	Nẹp khóa đầu dưới xương chày (mặt trong/ngoài)	Cái	190	Nẹp có 4-12 lỗ
35.1	Vít khóa 3.5/ 4.0/ 4.5/ 5.0		1.710	
35.2	Vít vò 3.5/ 4.0/ 4.5/ 5.0		380	
36	Nẹp đầu dưới xương chày	Cái	30	Nẹp có 4-12 lỗ
36.1	Vít vò 3.5/ 4.0/ 4.5/ 5.0		240	
37	Nẹp khóa xương đùi	Cái	112	Nẹp có từ 6 - 15 lỗ
37.1	Vít khóa 3.5/ 4.0/ 4.5/ 5.0		784	
37.2	Vít vò 3.5/ 4.0/ 4.5/ 5.0		224	
38	Nẹp xương đùi	Cái	50	Nẹp có từ 6 - 15 lỗ
38.1	Vít vò 3.5/ 4.0/ 4.5/ 5.0		400	
39	Nẹp khoá đầu trên xương đùi	Cái	12	Đầu nẹp có 3-5 lỗ, thân 4-12 lỗ
39.1	Vít khóa 3.5/ 4.0/ 4.5/ 5.0		96	
39.2	Vít vò 3.5/ 4.0/ 4.5/ 5.0		24	
40	Nẹp đầu trên xương đùi	Cái	50	Đầu nẹp có 3-5 lỗ, thân 4-12 lỗ
40.1	Vít vò 3.5/ 4.0/ 4.5/ 5.0		500	
41	Nẹp khóa đầu dưới xương đùi	Cái	160	Nẹp có 5-13 lỗ
41.1	Vít khóa 3.5/ 4.0/ 4.5/ 5.0		1.440	
41.2	Vít vò 3.5/ 4.0/ 4.5/ 5.0		320	
42	Nẹp đầu dưới xương đùi	Cái	50	Nẹp có 5-13 lỗ
42.1	Vít vò 3.5/ 4.0/ 4.5/ 5.0		550	
43	Nẹp khóa DHS	Bộ	40	Nẹp có từ 3 - 12 lỗ, có kèm vít DHS
43.1	Vít khóa 3.5/ 4.0/ 4.5/ 5.0		200	
43.2	Vít vò 3.5/ 4.0/ 4.5/ 5.0		40	
44	Nẹp DHS	Bộ	150	Nẹp có từ 3 - 12 lỗ, có kèm vít DHS
44.1	Vít vò 3.5/ 4.0/ 4.5/ 5.0		750	
45	Nẹp khóa đầu dưới xương mác	Cái	32	
45.1	Vít khóa 3.5/ 4.0/ 4.5/ 5.0		320	
45.2	Vít vò 3.5/ 4.0/ 4.5/ 5.0		128	
46	Nẹp đầu dưới xương mác	Cái	150	
46.1	Vít vò 3.5/ 4.0/ 4.5/ 5.0		1.500	
47	Nẹp mâm chày	Cái	100	
47.1	Vít vò 3.5/ 4.0/ 4.5/ 5.0		600	
48	Nẹp xương gót	Cái	50	
48.1	Vít vò 3.5/ 4.0/ 4.5/ 5.0		450	
49	Nẹp mắc xích khung chậu	Cái	100	
49.1	Vít vò 3.5/ 4.0/ 4.5/ 5.0		800	
50	Lưới bảo khớp	Cái	410	Đường kính 2.9/ 3.4/ 4.2/ 5.3mm
51	Vít cố định dây chằng chéo	Cái	470	Đường kính: 7, 8, 9, 10, 11, 12mm
52	Vít chốt neo cố định dây chằng chéo	Cái	410	Chiều dài chốt: 12mm. Chiều dài vòng treo gân: 10 - 60 mm

Stt	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng mời thầu	Tính năng, cấu hình kỹ thuật
53	Vít xóp rỗng các cỡ	Cái	190	* Chất liệu Titanium (kèm vòng đệm). - Vít 4.5mm: Dài 30->70mm, tăng 5mm. - Vít 7.3mm: Dài 50->110mm, tăng 5mm. - Thân vít rỗng có 1 phần ren, đầu vận lục giác, mũi vít tự khoan, tự taro.
54	Vít xóp 6.5	Cái	240	Đường kính 6.5mm dài 25-120mm, bước tăng 5mm, chiều dài ren 16mm/32mm/toàn ren, đường kính mũ 8.0mm, đường kính lõi 3.0mm, dùng mũi khoan 3.2mm
DỤNG CỤ CỘT SỐNG				
55	Đĩa đệm cột sống cổ	Cái	54	
56	Đĩa đệm cột sống cổ kèm vít khóa	Cái	21	
57	Đĩa đệm cột sống lưng cong	Cái	675	
58	Đĩa đệm cột sống lưng thẳng	Cái	405	
59	Nẹp vít cột sống cổ	Cái	65	
59.1	Vít cột sống cổ	Cái	520	
60	Bộ điện cực của máy dò thần kinh NVM5 cho điện thế gọi vận động điện cơ MEP/EMG	Bộ	10	
61	Nẹp tạo hình bàn sống cổ	Cái	38	
61.1	Vít tạo hình bàn sống cổ, các cỡ	Cái	112	
62	Vít cột sống lưng đa trục kèm vít khóa trong	Bộ	2.300	
63	Vít cột sống lưng đơn trục kèm vít khóa trong	Bộ	1.200	
64	Nẹp dọc cột sống lưng	Cái	660	
65	Nẹp ngang	Cái	100	
66	Móc cột sống	Cái	10	
67	Nẹp dọc cổ sau	Cái	15	
68	Vít cổ sau	Cái	30	
69	Vít đa trục trẻ em các cỡ kèm ốc khóa trong	Bộ	40	
70	Thanh nối dọc trẻ em 200mm	Cái	10	
71	Đầu nối trẻ em các loại	Cái	10	
72	Mũi mài xương hình kim cương	Cái	60	
73	Mũi mài xương (mũi phá trái khế)	Cái	60	
74	Khớp vai các loại, các cỡ	Bộ	3	
75	Khớp vai toàn phần không xi măng có 3 chốt	Bộ	1	
76	Bắt động ngoài chi trên	Bộ	9	
77	Nẹp khóa căng tay	Cái	240	Nẹp có từ 5 - 14 lỗ
77.1	Vít khóa 3.5/ 4.0/ 4.5/ 5.0		1.680	
77.2	Vít vò 3.5/ 4.0/ 4.5/ 5.0		240	
78	Nẹp căng tay	Cái	108	Nẹp có từ 5 - 14 lỗ
78.1	Vít vò 3.5/ 4.0/ 4.5		756	
79	Nẹp khóa cánh tay	Cái	128	Nẹp có từ 5 - 14 lỗ
79.1	Vít khóa 3.5/ 4.0/ 4.5/ 5.0		768	
79.2	Vít vò 3.5/ 4.0/ 4.5/ 5.0		128	
80	Nẹp cánh tay	Cái	30	Nẹp có từ 5 - 14 lỗ
80.1	Vít vò 3.5/ 4.0/ 4.5/ 5.0		210	
81	Nẹp khóa đầu trên cánh tay	Cái	66	
81.1	Vít khóa 3.5/ 4.0/ 4.5/ 5.0		528	
81.2	Vít vò 3.5/ 4.0/ 4.5/ 5.0		132	
82	Nẹp đầu trên cánh tay	Cái	30	
82.1	Vít vò 3.5/ 4.0/ 4.5/ 5.0		300	
83	Nẹp khóa đầu dưới xương cánh tay	Cái	66	
83.1	Vít khóa 3.5/ 4.0/ 4.5/ 5.0		660	
83.2	Vít vò 3.5/ 4.0/ 4.5/ 5.0		132	
84	Nẹp đầu dưới xương cánh tay	Cái	50	
84.1	Vít vò 3.5/ 4.0/ 4.5/ 5.0		600	
85	Nẹp khóa đầu dưới xương quay	Cái	140	
85.1	Vít khóa 2.4/ 2.7/ 3.5		980	
85.2	Vít vò 2.4/ 2.7/ 3.5		140	
86	Nẹp đầu dưới xương quay	Cái	100	Nẹp T nghiêng hoặc thẳng
86.1	Vít vò 2.4/ 2.7/ 3.5		500	
87	Nẹp khóa đầu trên xương quay	Cái	28	
87.1	Vít khóa 2.4/ 2.7/ 3.5		196	
87.2	Vít vò 2.4/ 2.7/ 3.5		56	
88	Nẹp khóa mỏm khuỷu	Cái	32	Nẹp có từ 2 - 12 lỗ
88.1	Vít khóa 3.5/ 4.0/ 4.5/ 5.0		224	Vít khóa dùng chung nẹp



Stt	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng mời thầu	Tính năng, cấu hình kỹ thuật
88.2	Vít vò 3.5/ 4.0/ 4.5/ 5.0		64	Vít vò dùng chung nẹp
89	Nẹp khóa xương trụ	Cái	8	Nẹp có từ 6 - 12 lỗ
89.1	Vít khóa 3.5/ 4.0/ 4.5/ 5.0		56	
89.2	Vít vò 3.5/ 4.0/ 4.5/ 5.0		8	
90	Nẹp khóa mini 2.4 đầu dưới xương trụ	Cái	10	
90.1	Vít khóa 2.4/ 2.7/ 3.5		70	
90.2	Vít vò 2.4/ 2.7/ 3.5		10	
91	Nẹp khóa mắt xích	Cái	12	Nẹp có từ 4 - 18 lỗ
91.1	Vít khóa 3.5/ 4.0/ 4.5/ 5.0		96	
91.2	Vít vò 3.5/ 4.0/ 4.5/ 5.0		24	
92	Nẹp mắt xích	Cái	12	Nẹp có từ 4 - 18 lỗ
92.1	Vít vò 3.5/ 4.0/ 4.5/ 5.0		96	
93	Nẹp khóa bàn ngón	Cái	58	Nẹp có từ 4 - 8 lỗ
93.1	Vít khóa 1.5/ 2.0/ 2.4		290	
93.2	Vít vò 1.5/ 2.0/ 2.4		58	
94	Nẹp lồng máng	Cái	8	Nẹp có từ 6 - 12 lỗ
94.1	Vít vò 2.4/ 2.7/ 3.5		56	
95	Nẹp khóa lồng máng	Cái	28	Nẹp có từ 6 - 12 lỗ
95.1	Vít khóa 2.4/ 2.7/ 3.5		196	
95.2	Vít vò 2.4/ 2.7/ 3.5		56	
96	Nẹp khóa thân xương đòn	Cái	140	Nẹp có từ 6 - 12 lỗ
96.1	Vít khóa 2.4/ 2.7/ 3.5		980	
96.2	Vít vò 2.4/ 2.7/ 3.5		140	
97	Nẹp xương đòn	Cái	100	Nẹp có từ 6 - 12 lỗ
97.1	Vít vò 2.4/ 2.7/ 3.5		700	
98	Nẹp khóa đầu ngoài xương đòn	Cái	28	Nẹp có từ 3 - 8 lỗ
98.1	Vít khóa 2.4/ 2.7/ 3.5/ 4.0		140	
98.2	Vít vò 2.4/ 2.7/ 3.5/ 4.0		56	
99	Nẹp móc đầu ngoài xương đòn	Cái	50	Nẹp có từ 4 - 7 lỗ
99.1	Vít vò 2.4/ 2.7/ 3.5/ 4.0		400	
100	Nẹp khóa xương đòn có móc	Cái	28	Nẹp có từ 4 - 7 lỗ
100.1	Vít khóa 2.4/ 2.7/ 3.5/ 4.0		224	
100.2	Vít vò 2.4/ 2.7/ 3.5/ 4.0		56	
DỤNG CỤ NỘI SOI CHI TRÊN				
101	Vít chỉ khâu vụn viên (có cột chỉ)	Cái	150	* Chất liệu: UHMWPE, đã tiệt trùng * Kích cỡ: Đường kính 2.9/ 3.0mm * Dùng trong phẫu thuật Nội soi khớp vai. Vít được kết nối sẵn với tay đóng. Kèm một sợi chỉ
102	Vít chỉ khâu vụn viên (không cột chỉ)	Cái	50	* Chất liệu: PEEK, đã tiệt trùng * Kích cỡ: Đường kính 2.9/ 3.0mm * Dùng trong phẫu thuật Nội soi khớp vai.
103	Vít chỉ khâu chóp xoay hàng trong	Cái	150	* Chất liệu: PLDLA kèm chỉ siêu bền UHMWPE. * Kích cỡ: 4.5/ 5.5/ 6.5mm * Dùng trong phẫu thuật Nội soi khớp vai.
104	Vít chỉ khâu chóp xoay hàng ngoài	Cái	50	Chất liệu PEEK phù hợp với tiêu chuẩn ASTM F2026. Kích thước: 2.9mm/ 3.5mm/ 4.5mm/ 5.5mm Dùng trong phẫu thuật Nội soi khớp vai.
105	Lưỡi bảo khớp	Cái	100	Thiết kế có răng hoặc không răng. Đường kính 2.0-4.2mm, chiều dài 130mm ± 10%
106	Lưỡi mài khớp	Cái	50	Dùng cho phẫu thuật nội soi khớp vai. Đường kính: 3.0-5.0mm
107	Lưỡi cắt đốt bằng sóng radio	Cái	100	Loại có dây hút dịch, gấp góc 90 độ
108	Trocal dùng trong nội soi khớp	Cái	200	Đường kính 4.5-8.5mm. Chiều dài 45- 90mm
109	Chỉ siêu bền	Tép	58	Chất liệu có độ bền cao, từ số 2 đến số 5
110	Dây bơm nước nội soi chạy bằng máy	Cái	150	Tương thích máy bơm 10K của bệnh viện hoặc có cam kết cho mượn bệnh viện máy bơm theo từng ca phẫu thuật
111	Vít rỗng nén ép không đầu các cỡ	Cái	58	* Chất liệu Titanium (kèm vòng đệm). - Vít 3.5mm: Dài 20->50mm, tăng 5mm. - Vít 4.0mm: Dài 20->50mm, tăng 5mm. - Vít 4.5mm: Dài 30->70mm, tăng 5mm. - Vít 7.3mm: Dài 50->110mm, tăng 5mm. - Thân vít rỗng có 1 phần ren, đầu vận lục giác, mũi vít tự khoan, tự taro.

Stt	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng mời thầu	Tính năng, cấu hình kỹ thuật
112	Vít vò 3.5	Cái	4.277	Chất liệu thép không gỉ. Đường kính 3.5mm, chiều dài 10-60mm, bước tăng 2mm
113	Vít vò 4.5	Cái	2.275	Chất liệu thép không gỉ. Đường kính 4.5mm tương ứng chiều dài từ 18 - 100mm, từ 18-70mm bước tăng 2mm, từ 70-100mm bước tăng 5mm
114	Vít xoắn 4.0	Cái	600	Chất liệu thép không gỉ Đường kính 4.0mm dài 30-60mm, bước tăng 5mm, bán ren/ đầy ren, đường kính mũ 6.0mm, đường kính lõi 1.9mm
115	Xương nhân tạo 2cc/ 3cc/ 5cc/ 10cc	Hộp	48	
116	Bình chứa dịch hút từ vết thương	Cái	94	sử dụng cho các bộ chăm sóc vết thương
VẬT TƯ TIÊU HAO				
117	Dây cưa xương	Cái	120	
118	Gạc hút y tế	Mét	96.000	
119	Băng thun	Cuộn	7.500	
120	Bình dẫn lưu vết thương	Cái	2.100	
121	Nón y tế	Cái	90.000	
122	Khẩu trang	Cái	105.000	
123	Găng khám	Đôi	120.000	
124	Găng tiệt trùng	Đôi	90.000	
125	Phim x quang 26 x 36	Tấm	90.000	- Kích thước 26x36cm, đóng gói 150 phim/ hộp. - Công nghệ in: khô, laser. - Thành phần: PET: 85-95%; polymers: 1-10%; organic silver: 1-10%; gelatine: 1-10%; additives 0,1-15%; silver halides: 0,05-1%. - Tương thích với máy in phim khô: Drypix Plus (4000), Drypix Smart (6000), Drypix 7000, Drypix Edge (8000) - Bên ngoài bao chứa có in mã vạch để máy in nhận dạng khi đưa vào sử dụng.
126	Phim x quang 35 x 43	Tấm	18.000	- Kích thước 35x43cm, đóng gói 100 phim/hộp. - Công nghệ in: khô, laser. - Thành phần: PET: 85-95%; polymers: 1-10%; organic silver: 1-10%; gelatine: 1-10%; additives 0,1-15%; silver halides: 0,05-1%. - Tương thích với máy in phim khô: Drypix Plus (4000), Drypix Smart (6000), Drypix 7000, Drypix Edge (8000). - Bên ngoài bao chứa có in mã vạch để máy in nhận dạng khi đưa vào sử dụng.
127	Bông gòn không thấm nước	Kg	366	
128	Dung dịch sát khuẩn dụng cụ	Lit	180	
129	Gel siêu âm	Bình	8	
130	Gel điện tim	Bình	12	
131	Gạc phẫu thuật tiệt trùng có cân quang	Miếng	1.000	Kích thước 25cm x 25cm

BỆNH VIỆN CHẤN THƯƠNG CHÍNH HÌNH

lll